

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 31-8-2020

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hồng Gắm;

2. Bà Nguyễn Ngọc Diệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị X Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 408/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020 về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/8/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1995; thường trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Bình; tạm trú: Khu phố E, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn:* Anh Trương Văn T, sinh năm 1991; thường trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Bình; tạm trú: Khu phố E, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

(Chị Nguyễn Thị X và anh Trương Văn T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/5/2020 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị X trình bày:

Chị Nguyễn Thị X và anh Trương Văn T tự nguyện tìm hiểu rồi tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Quảng Bình, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 44/2016, cấp ngày 10/10/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Chị X làm công nhân, thu nhập hàng tháng khoảng 9.000.000 đồng; anh T làm việc tự do, thợ cơ khí, thu nhập trung bình 10.000.000 đồng/tháng. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, nhưng đến khi chị X sinh con đầu thì anh T nảy sinh tính vũ phu, nhiều lần đánh đập chị X vô cớ, anh T đi uống rượu bia về thì kiếm chuyện đánh chị X, con bị té thì anh T cũng đánh chị X. Chị X đã nhiều lần tha thứ nhưng anh T không sửa đổi được. Chị X và anh T đã

ly thân từ tháng 4/2020 cho đến nay. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị X yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị X và anh T có hai con chung là Trương Đỗ Cao S, sinh ngày 26/10/2016 và Trương Đỗ Đại P, sinh ngày 16/9/2018. Sau ly hôn, chị X xin được trực tiếp nuôi con Trương Đỗ Đại P và đồng ý giao con Trương Đỗ Cao S cho anh T nuôi dưỡng. Không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo bản tự khai ngày 27/5/2020 và lời khai trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Trương Văn T trình bày: Thống nhất lời trình bày của chị X về thời gian, điều kiện kết hôn và nơi sinh sống của vợ chồng sau khi kết hôn. Cuộc sống vợ chồng tuy có phát sinh mâu thuẫn nhưng không trầm trọng. Chị X nộp đơn ly hôn vì do giận dỗi nhất thời, anh T thừa nhận có nóng tính và lỡ tay tát chị X do chị X đẻ con té, không chăm sóc tốt cho con. Anh T đã xin lỗi, hứa sẽ không để xảy ra sự việc như vậy và mong muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh T không đồng ý ly hôn với chị X.

Về con chung: Anh T và chị X có hai con chung là Trương Đỗ Cao S, sinh ngày 26/10/2016 và Trương Đỗ Đại P, sinh ngày 16/9/2018. Do không đồng ý ly hôn nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi con Trương Đỗ Cao S, đồng ý giao con Trương Đỗ Đại P cho chị X nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ngày 28/5/2020, Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, quá trình chung sống và vấn đề chăm sóc nuôi dạy con chung giữa chị Nguyễn Thị X và anh Trương Văn T tại Hội Liên hiệp phụ nữ phường D và được cung cấp như sau: Hội Liên hiệp phụ nữ phường D không nhận được đơn đề nghị hòa giải quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị X và anh Trương Văn T. Đồng thời Hội Liên hiệp phụ nữ phường D cũng không tiếp nhận phản ánh từ cơ sở về mâu thuẫn giữa hai anh chị, do đó không biết rõ giữa hai anh chị có mâu thuẫn như thế nào, vấn đề con chung, công việc và thu nhập Hội Liên hiệp phụ nữ phường D cũng không biết nên không cung cấp được thông tin cho Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật, quan điểm giải quyết vụ án: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị X và bị đơn anh Trương Văn T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị X và anh Trương Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận kết hôn số 44/2016, ngày 10/10/2016, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[3] Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Xét thấy chị X và anh T đều thừa nhận quá trình chung sống giữa chị X và anh T phát sinh mâu thuẫn trong việc chăm sóc con, anh T có hành vi bạo lực với chị X. Anh T không đồng ý ly hôn và hứa sửa đổi để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tòa án đã triệu tập anh T và chị X tham gia phiên hòa giải nhằm mục đích giải thích, khuyên anh T, chị X bỏ qua những mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm vợ chồng; tuy nhiên anh T, chị X đều có đơn xin giải quyết vắng mặt; hơn nữa chị X có yêu cầu không tiến hành hòa giải. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa các bên đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị X cầu được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, chị X và anh T có 02 con chung là Trương Đỗ Cao S, sinh ngày 26/10/2016; Trương Đỗ Đại P, sinh ngày 16/9/2018. Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: “Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con...trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con...”. Xét chị X và anh T thống nhất được về người trực tiếp nuôi con sau ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận: Chị X trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trương Đỗ Đại P, anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trương Đỗ Cao S, không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[6] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An về quan điểm giải quyết vụ án.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị X phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị X đối với bị đơn anh Trương Văn T về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị X được ly hôn với anh Trương Văn T (Giấy chứng nhận kết hôn số 44/2016, ngày 10/10/2016 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Quảng Bình cấp).

- Về con chung: Giao con chung Trương Đỗ Đại P, sinh ngày 16/9/2018 cho chị Nguyễn Thị X trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung Trương Đỗ Cao S, sinh ngày 26/10/2016 cho anh Trương Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, chị Nguyễn Thị X và anh Trương Văn T đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai được cản trở chị Nguyễn Thị X và anh Trương Văn T thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con, khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0040523 ngày 21/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP Dĩ An;
- Chi cục THADS TP. Dĩ An;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Trang